

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 166/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGHỊ ĐỊNH**Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng
tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài***Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; bao gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà ở; nhà riêng Đại sứ;
- b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác;
- c) Máy móc, thiết bị;
- d) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản được trao đổi trên cơ sở Hiệp định hoặc Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ nước sở tại được thực hiện theo quy định của Hiệp định hoặc Thỏa thuận đã ký kết. Trường hợp phát sinh việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, bảo dưỡng, sửa

chữa trong quá trình sử dụng thuộc trách nhiệm của phía Việt Nam thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là bộ, cơ quan trung ương) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

2. Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

3. Các chức danh làm việc tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng theo quy định của pháp luật.

4. Đối tượng khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 3. Nguồn hình thành tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Nhà nước giao tài sản bằng hiện vật.

2. Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài bao gồm:

a) Cơ quan đại diện là cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;

b) Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài là cơ quan không thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan đại diện, hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật do các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Trụ sở làm việc của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài là đất, nhà làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

3. Cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

4. Diện tích làm việc của chức danh là diện tích tối đa được xác định cho một chỗ làm việc trong trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

5. Nhà riêng Đại sứ, Trưởng cơ quan đại diện là đất (nếu có), nhà và các tài sản khác gắn liền với đất được sử dụng vào mục đích kết hợp phục vụ công tác đối ngoại và nhà ở cho Đại sứ, Trưởng cơ quan đại diện (sau đây gọi là nhà riêng Đại sứ). Diện tích nhà riêng Đại sứ gồm diện tích phục vụ công tác đối ngoại và diện tích nhà ở theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này.

6. Nhà ở của cán bộ, công chức, viên chức là đất (nếu có), nhà và các tài sản khác gắn liền với đất sử dụng vào mục đích làm nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là nhà ở). Nhà ở được bố trí trong khuôn viên trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hoặc độc lập với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền của Việt Nam ban hành theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Việc quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được áp dụng theo thứ tự như sau:

a) Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước sở tại là thành viên;

b) Pháp luật của nước sở tại;

c) Pháp luật của nước Việt Nam.

3. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng tài sản công thì được áp dụng theo chức danh có tiêu chuẩn, định mức cao nhất. Khi người tiền nhiệm kết thúc nhiệm kỳ công tác hoặc chuyển công tác mà tài sản công đã trang bị chưa đủ điều kiện thanh lý theo quy định thì người thay thế tiếp tục sử dụng, không trang bị mới.

4. Việc mua sắm tài sản công quy định tại Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật và chỉ được mua sắm khi đã được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

5. Trường hợp giao, điều chuyển, tiếp nhận tài sản công đã qua sử dụng thì giá tài sản công làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức là giá trị còn lại theo sổ kế toán.

6. Mức giá trong định mức sử dụng tài sản công quy định tại Nghị định này là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của nước sở tại, không bao gồm phí bảo hiểm, các loại lệ phí và các khoản thu khác có liên quan đến sử dụng tài sản công theo quy định của nước sở tại; trường hợp được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn để xác định định mức sử dụng tài sản công.

7. Việc quy đổi tỷ giá ngoại tệ áp dụng theo Bảng tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản, khoán kinh phí sử dụng tài sản và xử lý tài sản công.

8. Biên chế để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài quy định tại Nghị định này được căn cứ vào chỉ tiêu biên chế của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

9. Việc thuê tài sản, khoán kinh phí sử dụng tài sản công bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả hơn việc giao, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản; bảo đảm điều kiện phục vụ công tác đối ngoại, bảo đảm bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Kinh phí thuê, khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao hàng năm của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC VÀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP, NHÀ Ở, NHÀ RIÊNG ĐẠI SỨ CỦA CƠ QUAN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Mục 1

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC

Điều 6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc, diện tích nhà ở

1. Diện tích làm việc, diện tích nhà ở của chức danh đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài mà nước sở tại có quan hệ đặc biệt, đối tác chiến lược:

STT	Chức danh	Tiêu chuẩn diện tích làm việc tối đa (m ² /người)	Tiêu chuẩn diện tích nhà ở tối đa (m ² /người)
1	Nhóm 1: Đại sứ, Đại biện, Trưởng phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, Tổng Lãnh sự và chức danh tương đương	50	120
2	Nhóm 2: Công sứ, Tham tán Công sứ, Tham tán, Phó trưởng phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, Phó Tổng Lãnh sự, Trưởng Đại diện cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài và chức danh tương đương	35	100
3	Nhóm 3: Lãnh sự, Phó lãnh sự, Bí thư, Phó trưởng Đại diện cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài và chức danh tương đương	15	70
4	Nhóm 4: Chức danh khác (riêng nhân viên hợp đồng không được bố trí diện tích nhà ở)	10	60

2. Diện tích làm việc, diện tích nhà ở của chức danh đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài tại các nước không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này:

STT	Chức danh	Tiêu chuẩn diện tích làm việc tối đa (m ² /người)	Tiêu chuẩn diện tích nhà ở tối đa (m ² /người)
1	Nhóm 1: Đại sứ, Đại biện, Trưởng phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, Tổng Lãnh sự và chức danh tương đương	40	110
2	Nhóm 2: Công sứ, Tham tán Công sứ, Tham tán, Phó trưởng phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, Phó Tổng Lãnh sự, Trưởng Đại diện cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài và chức danh tương đương	30	90